

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01- THÁNG 5 NĂM 2025**



(Kính gửi QĐ số 213/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Dvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH NỬA							29.600	
1	Tông Khải An	2019	Ngân Thị Nguyệt Nga	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
2	Hà Nam Phong	2019	Hà Văn Chiêng	160.000	Bán đặc biệt khó khăn	5	800	
3	Cà Tuấn Khải	2019	Lò Thị Thảo	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
4	Lò Thị Khánh Chi	2019	Lường Thị Thủy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
5	Cà Việt Anh	2019	Lò Thị Mai Xinh	160.000	Xã KV3	5	800	
6	Lường T Bảo Nư	2019	Lò Thị Chân	160.000	BĐBKK	5	800	
7	Lò Thị Thu Nhân	2019	Lò Văn Hùng	160.000	BĐBKK	5	800	
8	Lò Ngọc Ánh Dương	2019	Lò Văn Ôn	160.000	BĐBKK	5	800	
9	Lò Minh Khôi	2019	Lò Thị Hiền	160.000	BĐBKK	5	800	
10	Lò Cẩm Diệp	2019	Lò Thị Thảo	160.000	BĐBKK	5	800	
11	Lò Đức Phúc	2019	Quảng Thị Diên	160.000	BĐBKK	5	800	
12	Vì An Na Trà My	2019	Lò Thị Phong	160.000	BĐBKK	5	800	
13	Quảng Tuấn Du	2019	Lò Thị Phương	160.000	BĐBKK	5	800	
14	Vì Quốc Việt	2019	Vì Văn Văn	160.000	BĐBKK	5	800	
15	Lò Thanh Mai	2019	Lò Thị Vi	160.000	Xã KV3	5	800	
16	Hà Khánh Vân	2020	Hà Văn Chiêng	160.000	ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
17	Lò Minh Khôi	2020	Lò Thị Tên (Bà ngoại)	160.000	BDBKK	5	800	
18	Lò Ngọc Linh	2021	Quảng Thị Diên	160.000	BDBKK	5	800	
19	Quảng Minh Trang	2021	Quảng Thu Thảo	160.000	Xã KV3	5	800	
20	Lò Ngọc Tuấn Vĩ	2021	Lương Thị Tiệp	160.000	Xã KV3	5	800	
21	Lương Văn Hoàng	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Lò Minh Huệ	2021	Lò Thị Vĩ	160.000	Xã KV3	5	800	
23	Lò Thanh Trúc	2021	Lương Ngọc Ánh	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
24	Phạm Chấn Hưng	2021	Lò Thị Hương	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
25	Lò Việt Hưng	2021	Lò Thị Chiến	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
26	Lò Anh Mạnh	2022	Lò Thị Phương Trang	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
27	Vĩ Thị Ngọc Uyên	2020	Vĩ Văn Thuận	160.000	ĐBKK	5	800	
28	Quảng T Khánh An	2020	Lương Thị Thu	160.000	ĐBKK	5	800	
29	Quảng Phúc Hưng	2020	Lò Thị Kiên	160.000	ĐBKK	5	800	
30	Lò Nhật Vương	2020	Cầm Thị Hiền	160.000	ĐBKK	5	800	
31	Lò Đức Dương	2020	Lương Thị Thêm	160.000	ĐBKK	5	800	
32	Lương Minh Thư	2020	Lò Thị Mai	160.000	Xã khu vực III	5	800	
33	Quảng Minh Khải	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	ĐBKK	5	800	
34	Cà Nhật Minh	2021	Quảng Thị Yên	160.000	ĐBKK	5	800	
35	Lò Quỳnh Trang	2021	Lý Thị Hạc	160.000	ĐBKK	5	800	
36	Vĩ Bích Trần Anh	2021	Lò Thị Loan	160.000	ĐBKK	5	800	
37	Lò Gia Hưng	2021	Lò Thị Tiết	160.000	ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 214/QĐ - UBND, ngày 20. tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Thanh Nưa										25.500.000
1	Tòng Khải An	2019		MG lớn A	Thái	Ngân Thị Nguyệt Nga	Bản Lế Xôm - Quải Tờ - T Giáo	Xã KV3	150.000	5	750.000
2	Hà Nam Phong	2019		MG lớn A	Thái	Hà Văn Chiêng	Bản Xôm - Nà Tấu - TPĐBP	BĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Thị Khánh Chi		2019	MG lớn B	Thái	Lường Thị Thủy	Bản Chằng - Quải tờ - TG	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Cà Việt Anh	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Mai Xinh	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	Xã KV3	150.000	5	750.000
5	Lường T Bào Ngư		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Chân	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò Thị Thu Nhân		2019	MG lớn B	Thái	Lò Văn Hùng	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Ngọc Ánh Dương		2019	MG lớn B	Thái	Lò Văn Ôn	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Minh Khôi	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Hiên	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lò Cẩm Diệp		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Thảo	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Đức Phúc	2019		MG lớn B	Thái	Quảng Thị Diên	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
11	Vi An Na Trà My		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Phong	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
12	Quảng Tuấn Du	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Phương	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
13	Vi Quốc Việt	2019		MG lớn B	Khơ Mú	Vi Văn Văn	Bản Nậm Ma-Pủ Hồng- ĐBD	BĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Thanh Mai		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Vi	Bản Xôm, xã Nà Tấu, TP.ĐBP	Xã KV3	150.000	5	750.000
15	Hà Khánh Vân		2020	MG nhỏ A	Thái	Hà Văn Chiêng	Bản Xôm, Nà Tấu, Tp.ĐBP	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí trợ
		Nam	Nữ								
16	Lô Minh Khôi	2020		MG nhỡ B	Thái	Lô Thị Tên (Bà ngoại)	B Mường pôn 2, Mường pôn	BDBKK	150.000	5	750.000
17	Lô Ngọc Linh		2021	Bé TT	Thái	Quảng Thị Diên	Bán giảng, co ké - Xã T. Nưa	BDBKK	150.000	5	750.000
18	Quảng Minh Trang		2021	Bé TT	Thái	Quảng Thu Thảo	Bán Tàu- Xã Hua Thanh	Xã KV3	150.000	5	750.000
19	Lô Ngọc Tuấn Vĩ	2021		Bé TT	Thái	Lương Thị Tiễn	Bán Bồng Ban, Tuấn Giáo	Xã KV3	150.000	5	750.000
20	Lương Văn Hoàng	2021		Bé TT	Thái	Quảng Thị Hồng	Bán Mền - Thanh Nưa	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Lô Minh Huệ		2021	Bé TT	Khơ mú	Lô Thị Vi	Bán Nậm Ma, Pù Hồng ĐBD	Xã KV3	150.000	5	750.000
22	Lô Thanh Trúc		2021	MG bé HT	Thái	Lương Ngọc Ánh	Bán Mường Lạn, xã Mường Lạn, sốp cốp, Sơn La	Xã KV3	150.000	5	750.000
23	Phạm Chấn Hưng	2021		MG bé HT	Kinh	Lô Thị Hương	Bán Nà Hỷ, xã Nà Hỷ, Huyện Nậm Pồ, Điện Biên	Xã KV3	150.000	5	750.000
24	Vĩ Thị Ngọc Uyên		2020	Ghép NL	Thái	Vĩ Văn Thuận	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Quảng T Khánh An		2020	Ghép NL	Thái	Lương Thị Thu	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Quảng Phúc Hưng	2020		Ghép NL	Thái	Lô Thị Kiên	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Lô Nhật Vương	2020		Ghép NL	Thái	Cầm Thị Hiền	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lô Đức Dương	2020		Ghép NL	Thái	Lương Thị Thêm	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Lương Minh Thư		2020	Ghép NL	Thái	Lô Thị Mai	Bán Xôm - Xã Phu Luông	Xã KV3	150.000	5	750.000
30	Quảng Minh Khải	2021		Ghép NL	Thái	Quảng Thị Hồng	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Cà Nhật Minh	2021		Ghép NL	Thái	Quảng Thị Yên	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Lô Quỳnh Trang		2021	Ghép NL	Thái	Lý Thị Hặc	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Vĩ Bích Trần Anh		2021	Ghép NL	Thái	Lô Thị Loan	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lô Gia Hưng	2021		Ghép NL	Thái	Lô Thị Tiết	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000